

**BỘ TÀI CHÍNH
CỤC THỐNG KÊ**

Số: 605 /QĐ-CTK

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh Kế hoạch kiểm tra việc sử dụng số liệu,
thông tin thống kê nhà nước năm 2025 của Cục Thống kê**

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN

ĐẾN

Số: 3162

Ngày: 06/6/2025

Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

CỤC TRƯỞNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thống kê;

Căn cứ Quyết định số 384/QĐ-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2020/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Quy trình kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1483/QĐ-TCTK ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước năm 2025 của Tổng cục Thống kê;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra Cục Thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Kế hoạch kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước năm 2025 của Tổng cục Thống kê ban hành kèm theo Quyết định số 1483/QĐ-TCTK ngày 13/12/2024 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê như sau:

1. Không tiến hành thực hiện 162 cuộc kiểm tra theo Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

2. Bổ sung Kế hoạch kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước năm 2025 của Cục Thống kê theo Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Thanh tra, Chánh Văn phòng, Chi cục trưởng Chi cục Thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. M. M.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các tổ chức là đối tượng kiểm tra (danh sách kèm theo);
- Lãnh đạo Cục Thống kê;
- Ban THĐN (đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Cục Thống kê);
- Ban TKQG;
- Lưu: VT, TTRA.

CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hương



**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH KIỂM TRA VIỆC SỬ DỤNG SỐ LIỆU, THÔNG TIN THỐNG KÊ NHÀ NƯỚC
NĂM 2025 CỦA CÁC CỤC THỐNG KÊ**

(Kèm theo Quyết định số 605/QĐ-CTK ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Cục trưởng, Cục Thống kê)

STT	Nội dung, đối tượng kiểm tra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Thời hạn kiểm tra	Thời kỳ kiểm tra	Thời gian thực hiện
A	B	C	E	F	G
Không tiến hành các cuộc kiểm tra sau :					
1	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi	Cục Thống kê	05 ngày	Năm 2020 đến năm 2024	Quý II,III/2025
2	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước	Cục Thống kê	05 ngày	Năm 2020 đến năm 2024	Quý II,III/2025
3	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Chi cục Thống kê thành phố Hà Nội	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý IV/2025
4	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý IV/2025
5	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025

STT	Nội dung, đối tượng kiểm tra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Thời hạn kiểm tra	Thời kỳ kiểm tra	Thời gian thực hiện
A	B	C	E	F	G
6	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân xã Quang Minh, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang	Chi cục Thống kê tỉnh Hà Giang	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
7	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
8	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
9	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	Chi cục Thống kê tỉnh Cao Bằng	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
10	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
11	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Kạn	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
12	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn		03 ngày	Năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2025	Quý III/2025

STT	Nội dung, đối tượng kiểm tra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Thời hạn kiểm tra	Thời kỳ kiểm tra	Thời gian thực hiện
A	B	C	E	F	G
13	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Chi cục Thống kê tỉnh Tuyên Quang	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
14	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
15	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai	Chi cục Thống kê tỉnh Lào Cai	03 ngày	Năm 2020 đến năm 2024	Quý III/2025
16	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai		03 ngày	Năm 2020 đến năm 2024	Quý III/2025
17	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai		03 ngày	Năm 2020 đến năm 2024	Quý III/2025
18	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên	Chi cục Thống kê tỉnh Điện Biên	03 ngày	Năm 2020 và ước năm 2025	Quý I/2025
19	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên		03 ngày	Năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025	Quý III/2025
20	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên		03 ngày	Năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025	Quý III/2025

STT	Nội dung, đối tượng kiểm tra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Thời hạn kiểm tra	Thời kỳ kiểm tra	Thời gian thực hiện
A	B	C	E	F	G
21	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	Chi cục Thống kê tỉnh Lai Châu	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
22	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu		03 ngày	Năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025	Quý IV/2025
23	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Chi cục Thống kê tỉnh Sơn La	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý I/2025
24	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
25	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
26	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Chi cục Thống kê tỉnh Yên Bái	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
27	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý IV/2025
28	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình	Chi cục Thống kê tỉnh Hòa Bình	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
29	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
30	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025

STT	Nội dung, đối tượng kiểm tra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Thời hạn kiểm tra	Thời kỳ kiểm tra	Thời gian thực hiện
A	B	C	E	F	G
31	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Chi cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
32	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
33	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý IV/2025
34	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Chi cục Thống kê tỉnh Lạng Sơn	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
35	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Huyện ủy huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn		03 ngày	Năm 2021 đến năm 2025	Quý II/2025
36	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Chi cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý I,II/2025
37	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
38	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh		03 ngày	Năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025	Quý III/2025
39	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Giang	03 ngày	Năm 2021 đến năm 2025	Quý II,III/2025
40	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang		03 ngày	Năm 2021 đến năm 2025	Quý II,III/2025
41	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang		03 ngày	Năm 2021 đến năm 2025	Quý II,III/2025

STT	Nội dung, đối tượng kiểm tra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Thời hạn kiểm tra	Thời kỳ kiểm tra	Thời gian thực hiện
A	B	C	E	F	G
42	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ	Chi cục Thống kê tỉnh Phú Thọ	03 ngày	Năm 2024 và năm 2025	Quý III/2025
43	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ		03 ngày	Năm 2024 và năm 2025	Quý III/2025
44	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ		03 ngày	Năm 2024 và năm 2025	Quý III/2025
45	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	Chi cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc	03 ngày	Năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025	Quý III/2025
46	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc		03 ngày	Năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025	Quý III/2025
47	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
48	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
49	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	Chi cục Thống kê tỉnh Hải Dương	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
50	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
51	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương		03 ngày	Năm 2023, năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025	Quý III/2025

STT	Nội dung, đối tượng kiểm tra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Thời hạn kiểm tra	Thời kỳ kiểm tra	Thời gian thực hiện
A	B	C	E	F	G
52	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng	Chi cục Thống kê thành phố Hải Phòng	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
53	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
54	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
55	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Chi cục Thống kê tỉnh Hưng Yên	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
56	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
57	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
58	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân xã Minh Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Chi cục Thống kê tỉnh Thái Bình	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
59	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân xã Bình Minh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
60	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân xã Thống Nhất, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025

STT	Nội dung, đối tượng kiểm tra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Thời hạn kiểm tra	Thời kỳ kiểm tra	Thời gian thực hiện
A	B	C	E	F	G
61	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Sơn, thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	Chi cục Thống kê tỉnh Hà Nam	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
62	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân xã Đình Xá, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II,III/2025
63	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
64	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Huyện ủy huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Chi cục Thống kê tỉnh Nam Định	03 ngày	Năm 2020 đến năm 2025	Quý II/2025
65	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Thành ủy thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định		03 ngày	Năm 2020 đến năm 2025	Quý III/2025
66	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Huyện ủy huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định		03 ngày	Năm 2020 đến năm 2025	Quý III/2025
67	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Chi cục Thống kê tỉnh Ninh Bình	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
68	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
69	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025

STT	Nội dung, đối tượng kiểm tra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Thời hạn kiểm tra	Thời kỳ kiểm tra	Thời gian thực hiện
A	B	C	E	F	G
70	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Chi cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
71	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
72	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II,III/2025
73	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An	Chi cục Thống kê tỉnh Nghệ An	03 ngày	Năm 2020 đến năm 2025	Quý II/2025
74	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An		03 ngày	Năm 2020 đến năm 2025	Quý III/2025
75	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An		03 ngày	Năm 2020 đến năm 2025	Quý III/2025
76	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	Chi cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý I/2025
77	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
78	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025

STT	Nội dung, đối tượng kiểm tra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Thời hạn kiểm tra	Thời kỳ kiểm tra	Thời gian thực hiện
A	B	C	E	F	G
79	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Công ty TNHH một thành viên Xổ số Kiến thiết Quảng Bình	Chi cục Thống kê tỉnh Quảng Bình	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
80	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
81	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
82	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Công ty cổ phần nước sạch Quảng Trị	Chi cục Thống kê tỉnh Quảng Trị	03 ngày	Năm 2022 đến năm 2024	Quý II/2025
83	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Quảng Trị		03 ngày	Năm 2022 đến năm 2024	Quý III/2025
84	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị		03 ngày	Năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025	Quý III/2025
85	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân xã Phú Gia, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế	Chi cục Thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
86	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
87	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý IV/2025

STT	Nội dung, đối tượng kiểm tra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Thời hạn kiểm tra	Thời kỳ kiểm tra	Thời gian thực hiện
A	B	C	E	F	G
88	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	Chi cục Thống kê thành phố Đà Nẵng	03 ngày	Năm 2020 đến năm 2025	Quý II/2025
89	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng		03 ngày	Năm 2020 đến năm 2025	Quý III/2025
90	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng		03 ngày	Năm 2020 đến năm 2025	Quý III/2025
91	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân xã Điện Quang, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Chi cục Thống kê tỉnh Quảng Nam	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
92	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
93	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Chi cục Thống kê tỉnh Quảng Ngãi	03 ngày	Năm 2024 và năm 2025	Quý II/2025
94	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi		03 ngày	Năm 2024 và năm 2025	Quý II/2025
95	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi		03 ngày	Năm 2024 và năm 2025	Quý III/2025

STT	Nội dung, đối tượng kiểm tra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Thời hạn kiểm tra	Thời kỳ kiểm tra	Thời gian thực hiện
A	B	C	E	F	G
96	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	Chi cục Thống kê tỉnh Phú Yên	03 ngày	Năm 2023, 2024 và 6 tháng năm 2025	Quý III/2025
97	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên		03 ngày	Năm 2023, 2024 và 6 tháng năm 2025	Quý III/2025
98	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên		03 ngày	Năm 2023, 2024 và 6 tháng năm 2025	Quý III/2025
99	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Chi cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa	03 ngày	Năm 2023-2024 và 6 tháng đầu năm 2025	Quý III, IV/2025
100	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa		03 ngày	Năm 2023-2024 và 6 tháng đầu năm 2025	Quý III, IV/2025
101	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa		03 ngày	Năm 2023-2024 và 6 tháng đầu năm 2025	Quý III, IV/2025

STT	Nội dung, đối tượng kiểm tra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Thời hạn kiểm tra	Thời kỳ kiểm tra	Thời gian thực hiện
A	B	C	E	F	G
102	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	Chi cục Thống kê tỉnh Ninh Thuận	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
103	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
104	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
105	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	Chi cục Thống kê tỉnh Bình Thuận	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý I/2025
106	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
107	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
108	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum	Chi cục Thống kê tỉnh Kon Tum	03 ngày	Năm 2024 và năm 2025	Quý II/2025
109	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum		03 ngày	Năm 2024 và năm 2025	Quý III/2025
110	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum		03 ngày	Năm 2024 và năm 2025	Quý IV/2025

STT	Nội dung, đối tượng kiểm tra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Thời hạn kiểm tra	Thời kỳ kiểm tra	Thời gian thực hiện
A	B	C	E	F	G
111	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Chi cục Thống kê tỉnh Gia Lai	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý I/2025
112	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý I/2025
113	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Đăk Pơ, tỉnh Gia Lai		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý I/2025
114	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	Chi cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II,III/2025
115	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
116	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đắk Nông	Chi cục Thống kê tỉnh Đắk Nông	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý I/2025
117	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Khê, huyện Đăk G'Long, tỉnh Đắk Nông		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
118	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đăk Mâm, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025

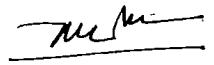
STT	Nội dung, đối tượng kiểm tra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Thời hạn kiểm tra	Thời kỳ kiểm tra	Thời gian thực hiện
A	B	C	E	F	G
119	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng	Chi cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý I/2025
120	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
121	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
122	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	Chi cục Thống kê tỉnh Bình Phước	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
123	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
124	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý IV/2025
125	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh	Chi cục Thống kê tỉnh Tây Ninh	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
126	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
127	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Chi cục Thống kê tỉnh Bình Dương	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
128	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
129	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý IV/2025

STT	Nội dung, đối tượng kiểm tra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Thời hạn kiểm tra	Thời kỳ kiểm tra	Thời gian thực hiện
A	B	C	E	F	G
130	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai	Chi cục Thống kê tỉnh Đồng Nai	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
131	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
132	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý IV/2025
133	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Chi cục Thống kê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
134	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Chi cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý I/2025
135	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố Hồ Chí Minh		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
136	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
137	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An	Chi cục Thống kê tỉnh Long An	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
138	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	Chi cục Thống kê tỉnh Tiền Giang	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
139	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025

STT	Nội dung, đối tượng kiểm tra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Thời hạn kiểm tra	Thời kỳ kiểm tra	Thời gian thực hiện
A	B	C	E	F	G
140	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Chi cục Thống kê tỉnh Bến Tre	03 ngày	Năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025	Quý III/2025
141	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre		03 ngày	Năm 2021 tới năm 2025	Quý III/2025
142	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre		03 ngày	Năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025	Quý III/2025
143	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Chi cục Thống kê tỉnh Trà Vinh	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý I/2025
144	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
145	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
146	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long	Chi cục Thống kê tỉnh Vĩnh Long	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
147	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
148	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	Chi cục Thống kê tỉnh Đồng Tháp	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025

STT	Nội dung, đối tượng kiểm tra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Thời hạn kiểm tra	Thời kỳ kiểm tra	Thời gian thực hiện
A	B	C	E	F	G
149	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang	Chi cục Thống kê tỉnh Kiên Giang	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
150	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
151	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
152	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ	Chi cục Thống kê thành phố Cần Thơ	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
153	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
154	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
155	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	Chi cục Thống kê tỉnh Sóc Trăng	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
156	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân xã Tân Long, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý II/2025
157	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng		03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025

STT	Nội dung, đối tượng kiểm tra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Thời hạn kiểm tra	Thời kỳ kiểm tra	Thời gian thực hiện
A	B	C	E	F	G
158	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu	Chi cục Thống kê tỉnh Bạc Liêu	03 ngày	Năm 2022 và năm 2023	Quý II/2025
159	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu		03 ngày	Năm 2022 và năm 2023	Quý II/2025
160	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu		03 ngày	Năm 2022 và năm 2023	Quý III/2025
161	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	Chi cục Thống kê tỉnh Cà Mau	03 ngày	Năm 2023 và năm 2024	Quý III/2025
162	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau		03 ngày	Năm 2022 và năm 2023	Quý III/2025



**BỘ SƯNG KẾ HOẠCH KIỂM TRA VIỆC SỬ DỤNG SỐ LIỆU, THÔNG TIN THỐNG KÊ NHÀ NƯỚC
NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 605/QĐ-CTN ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Cục trưởng Cục Thống kê)



STT	Nội dung, đối tượng kiểm tra	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Thời hạn kiểm tra	Thời kỳ kiểm tra	Thời gian thực hiện
A	B	C	E	F	G
Bổ sung các cuộc kiểm tra sau:					
1	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng	Cục Thống kê	05 ngày	Năm 2020 đến năm 2024	Quý IV/2025
2	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn	Cục Thống kê	05 ngày	Năm 2020 đến năm 2024	Quý IV/2025

**Danh sách gửi Quyết định điều chỉnh Kế hoạch kiểm tra việc sử dụng số liệu,
thông tin thống kê được năm 2025**

(Kèm theo Quyết định số 625/QĐ-CK ngày 29 tháng 5 năm 2025
của Cục trưởng Cục Thống kê)



I. Ủy ban nhân dân các tỉnh, Thành phố: 60 tỉnh, Thành phố (trừ Bình Định, An Giang, Hậu Giang).

II. Chi cục Thống kê các tỉnh, Thành phố: 60 Chi cục Thống kê tỉnh, Thành phố (trừ Bình Định, An Giang, Hậu Giang).

III. Ủy ban nhân dân các Thị xã, Huyện, Quận, Thành phố thuộc tỉnh (132)

1. Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
2. Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
3. Huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
4. Huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang
5. Huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang
6. Huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng
7. Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
8. Huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn
9. Huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn
10. Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
11. Huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang
12. Huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai
13. Huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai
14. Thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
15. Huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên
16. Huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên
17. Huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên
18. Huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu
19. Huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu
20. Huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La
21. Huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La
22. Huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La
23. Huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
24. Huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
25. Huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình
26. Huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình
27. Huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
28. Huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên
29. Huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
30. Huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên

31. Huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
32. Thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh
33. Huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh
34. Huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh
35. Huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang
36. Huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang
37. Huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
38. Huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ
39. Thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ
40. Huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
41. Huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
42. Huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc
43. Huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh
44. Huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
45. Huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
46. Huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
47. Thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
48. Quận Kiến An, thành phố Hải Phòng
49. Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng
50. Huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng
51. Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
52. Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
53. Thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
54. Huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
55. Huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
56. Thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình
57. Huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
58. Thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa
59. Huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa
60. Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa
61. Huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An
62. Huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
63. Thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An
64. Huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
65. Thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
66. Huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
67. Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
68. Huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị
69. Thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế
70. Thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế
71. Huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

72. Quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng
73. Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
74. Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
75. Huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
76. Huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi
77. Huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi
78. Thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên
79. Huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên
80. Thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
81. Thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa
82. Thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
83. Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
84. Huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận
85. Huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận
86. Huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận
87. Huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận
88. Huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận
89. Thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận
90. Huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum
91. Huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum
92. Huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai
93. Huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai
94. Huyện Đắk Pơ, tỉnh Gia Lai
95. Thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk
96. Huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk
97. Huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông
98. Huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng
99. Huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng
100. Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
101. Huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước
102. Thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
103. Huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh
104. Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh
105. Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
106. Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
107. Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
108. Huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
109. Huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai
110. Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
111. Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
112. Huyện Tân Trụ, tỉnh Long An

113. Huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
114. Huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang
115. Huyện Mỹ Cày Nam, tỉnh Bến Tre
116. Huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre
117. Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre
118. Huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
119. Huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh
120. Huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh
121. Huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long
122. Huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long
123. Huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang
124. Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
125. Huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ
126. Quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
127. Quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ
128. Thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
129. Huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu
130. Huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu
131. Huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu
132. Huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

IV. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (17)

1. Xã Quang Minh, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang (*Thôn Minh Tâm, Xã Quang Minh, Huyện Bắc Quang, Hà Giang*)
2. Xã Minh Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (*Xã Minh Quang, Huyện Vũ Thư, Thái Bình*)
3. Xã Bình Minh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình (*Xóm 5 xã Bình Minh, Huyện Kiến Xương, Thái Bình*)
4. Xã Thống Nhất, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (*xã Thống Nhất, Huyện Hưng Hà, Thái Bình*)
5. Phường Ngọc Sơn, thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (*Phường Ngọc Sơn, thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam*)
6. Xã Đình Xá, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam (*Thôn Trung, Xã Đình Xá, Thành phố Phủ Lý, Hà Nam*)
7. Xã Phú Gia, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế (*Thôn Thanh Lam Bồ, Xã Phú Gia, Huyện Phú Vang, Tỉnh Thừa Thiên - Huế*)
8. Xã Điện Quang, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (*Thôn bảo An Tây - Điện Quang, Xã Điện Quang, Thị Xã Điện Bàn, Quảng Nam*)
9. Xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum (*Thôn 2 thị trấn Sa Thầy - Sa Thầy - Kon Tum*)

10. Xã Quảng Khê, huyện Đắk G'Long, tỉnh Đắk Nông (*Bon Sa Diêng, Xã Quảng Khê, Huyện Đắk Glong, Tỉnh Đắk Nông*)

11. Thị trấn Đắk Mâm, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông (TT Đắk Mâm, Huyện Krông Nô, Tỉnh Đắk Nông)

12. Xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (*Xã Bù Nho, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước*)

13. Thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp (*Quốc lộ 80, Thị trấn Cái Tàu Hạ, Huyện Châu Thành, Đồng Tháp*)

14. Xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (*ấp Tân Tiến - Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Kiên Giang*)

15. Xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (*ấp Phước Ninh, Xã Mỹ Phước, Huyện Mỹ Tú, Sóc Trăng*)

16. Xã Tân Long, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (*ấp Long Thạnh Xã Tân Long, Thị Xã Ngã Năm, Sóc Trăng*)

17. Xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (*Ấp Rạch Ruộng A, xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau*)

V. Các tổ chức, đơn vị khác (11)

1. Huyện ủy huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

2. Huyện ủy huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định

3. Thành ủy thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

4. Huyện ủy huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định

5. Công ty TNHH Một thành viên Xô số Kiến thiết Quảng Bình (08B Hương Giang, Phường Đồng Hải, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình)

6. Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình (Số 1 Hoàng Văn Thái, Phường Nam Lý, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình)

7. Công ty cổ phần nước sạch Quảng Trị (Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị)

8. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Quảng Trị (01 Lê Quý Đôn, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị)

9. Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (28 Lê Quý Đôn, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Hồ Chí Minh)

10. Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố Hồ Chí Minh (Lầu 4, Số 26 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)

11. Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (51 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM)